

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/NQ-HĐND

*Bình Định, ngày 10 tháng 7 năm 2014*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương**  
**và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2014 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, kỳ họp thứ 7 về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, kỳ họp thứ 7 về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2014;

Sau khi xem xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng cuối năm 2014; Báo cáo thẩm tra số 12/BCTT-KT&NS ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua nội dung điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2014 như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh 50.000.000.000 đồng (*chi tiết như phụ lục 01 kèm theo*).

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất 50.000.000.000 đồng (*chi tiết như phụ lục 02 kèm theo*).

3. Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2014 từ nguồn thu tiền sử dụng đất 50.000.000.000 đồng và phân bổ chi tiết cho các danh mục công trình (*chi tiết như phụ lục 03 kèm theo*).

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển năm 2014 (*chi tiết như phụ lục 04 kèm theo*).

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Nghị quyết này điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013; Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh khóa XI.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2014./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

## Phụ lục 01

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2014 (ĐIỀU CHỈNH)***(Kèm theo Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của HĐND tỉnh Khốa XI)*

| NỘI DUNG THU                        | Dự toán năm 2014 giao đầu năm |                      | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) |                      | Dự toán năm 2014 sau khi điều chỉnh |                      |
|-------------------------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------|
|                                     | Ngân sách nhà nước            | Ngân sách địa phương | Ngân sách nhà nước            | Ngân sách địa phương | Ngân sách nhà nước                  | Ngân sách địa phương |
| <b>A-TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b> | <b>4.507.000</b>              | <b>3.623.550</b>     | <b>50.000</b>                 | <b>50.000</b>        | <b>4.557.000</b>                    | <b>3.673.550</b>     |
| <i>Trong đó:</i>                    |                               |                      |                               |                      |                                     |                      |
| <b>II. Thu nội địa</b>              | <b>3.465.000</b>              | <b>3.403.550</b>     | <b>50.000</b>                 | <b>50.000</b>        | <b>3.515.000</b>                    | <b>3.453.550</b>     |
| <i>Trong đó:</i>                    |                               |                      |                               |                      |                                     |                      |
| Tiền sử dụng đất                    | 400.000                       | 400.000              | 50.000                        | 50.000               | 450.000                             | 450.000              |

*ĐVT: triệu đồng*

**Phụ lục số 02**  
**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014 (ĐIỀU CHỈNH)**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của HĐND tỉnh Khốa XI)

ĐVT: triệu đồng

| NỘI DUNG CHI                                           | Dự toán năm 2014<br>giao đầu năm          |                   |                                                    | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)             |                      | Dự toán năm 2014<br>sau khi điều chỉnh             |                   |                                                    |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------|
|                                                        | Tổng số<br>chi ngân<br>sách địa<br>phương | Chia ra           |                                                    | Tổng số<br>chi ngân<br>sách địa<br>phương | Chia ra              | Tổng số<br>chi ngân<br>sách địa<br>phương          | Chia ra           |                                                    |
|                                                        |                                           | Ngân<br>sách tỉnh | Ngân<br>sách<br>huyện, thị<br>xã, thành<br>phố (1) |                                           | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Ngân<br>sách<br>huyện, thị<br>xã, thành<br>phố (1) | Ngân<br>sách tỉnh | Ngân<br>sách<br>huyện, thị<br>xã, thành<br>phố (1) |
| <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH<br/>ĐỊA PHƯƠNG</b>               | <b>6.942.404</b>                          | <b>3.715.061</b>  | <b>3.227.343</b>                                   | <b>50.000</b>                             |                      | <b>6.992.404</b>                                   | <b>3.765.061</b>  | <b>3.227.343</b>                                   |
| <i>Trong đó:</i>                                       |                                           |                   |                                                    |                                           |                      |                                                    |                   |                                                    |
| <b>A- CHI CÁN ĐỐI NS ĐỊA<br/>PHƯƠNG</b>                | <b>6.722.404</b>                          | <b>3.505.061</b>  | <b>3.217.343</b>                                   | <b>50.000</b>                             | <b>50.000</b>        | <b>6.772.404</b>                                   | <b>3.555.061</b>  | <b>3.217.343</b>                                   |
| <i>Trong đó:</i>                                       |                                           |                   |                                                    |                                           |                      |                                                    |                   |                                                    |
| <b>I. Chi đầu tư phát triển:</b>                       | <b>700.345</b>                            | <b>472.745</b>    | <b>227.600</b>                                     | <b>50.000</b>                             | <b>50.000</b>        | <b>750.345</b>                                     | <b>522.745</b>    | <b>227.600</b>                                     |
| <i>Trong đó:</i>                                       |                                           |                   |                                                    |                                           |                      |                                                    |                   |                                                    |
| <b>2. Chi đầu tư từ nguồn thu<br/>tiền sử dụng đất</b> | <b>400.000</b>                            | <b>280.000</b>    | <b>120.000</b>                                     | <b>50.000</b>                             | <b>50.000</b>        | <b>450.000</b>                                     | <b>330.000</b>    | <b>120.000</b>                                     |
| <i>Trong đó:</i>                                       | <b>0</b>                                  |                   |                                                    |                                           |                      | <b>0</b>                                           |                   |                                                    |
| - Cấp lại cho ngân sách<br>thành phố Quy Nhơn          | <b>30.000</b>                             | <b>30.000</b>     | <b>0</b>                                           |                                           |                      | <b>30.000</b>                                      | <b>30.000</b>     | <b>0</b>                                           |

**Phụ lục 03**  
**BỔ SUNG TỔNG NGUỒN VỐN ĐTPT NĂM 2014**  
**VÀ PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DANH MỤC CÔNG TRÌNH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của HĐND tỉnh Khốa XI)*

ĐVT: 1.000 đ

| STT | Danh mục công trình                                              | Quyết định phê duyệt dự án; ngày/tháng/năm | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2013 | Kế hoạch vốn đã bố trí trong năm 2014 | Kế hoạch vốn bổ sung năm 2014 | Ghi chú                                                                                                                                           |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>KẾ HOẠCH VỐN BỔ SUNG NGUỒN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2014</b> |                                            |                 |                                     |                                       | <b>50.000.000</b>             |                                                                                                                                                   |
|     | <b>Bố trí cho công trình cấp bách</b>                            |                                            |                 |                                     |                                       | <b>16.440.000</b>             |                                                                                                                                                   |
| 1   | Trung tâm Hội nghị của tỉnh                                      |                                            | 210.000.000     | 0                                   | 0                                     | 7.000.000                     | 1085/UBND-KTN<br>25/3/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Hội nghị của tỉnh                                     |
| 2   | Quảng trường tỉnh                                                |                                            | 235.000.000     | 0                                   | 0                                     | 3.000.000                     | 884/UBND-KTN<br>12/3/2014 của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chủ đầu tư các hạng mục công trình thuộc Đồ án quy hoạch Quảng trường của tỉnh |
| 3   | Nhà bia tại Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đồi Mười)      |                                            | 1.500.000       | 0                                   | 0                                     | 1.000.000                     | Văn bản số 1407/UBND-VX ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh                                                                                              |
| 4   | Trạm Y tế thị trấn Ngõ Mây, huyện Phù Cát                        |                                            |                 |                                     |                                       | 1.000.000                     |                                                                                                                                                   |

| STT | Danh mục công trình                                                                         | Quyết định phê duyệt dự án; ngày/tháng/năm       | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2013 | Kế hoạch vốn đã bố trí trong năm 2014 | Kế hoạch vốn bổ sung năm 2014 | Ghi chú                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------|
| 5   | Nhà khám bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định (cầu thang máy)                                   |                                                  |                 |                                     |                                       | 1.000.000                     | để đưa vào hoạt động                                 |
| 6   | Nhà điều trị 300 giường - Bệnh viện đa khoa tỉnh                                            |                                                  |                 |                                     |                                       |                               | để đưa vào hoạt động                                 |
| -   | Cầu thang máy                                                                               |                                                  |                 |                                     |                                       | 1.000.000                     |                                                      |
| 7   | Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn (251 giường)                                              |                                                  |                 |                                     |                                       | 1.440.000                     | Mua hệ thống cấp khí                                 |
| 8   | Cải tạo, sửa chữa khu nhà mổ (cũ) và khu nhà Khoa nội Thận lọc máu - Bệnh viện đa khoa tỉnh |                                                  | 3.000.000       |                                     |                                       | 1.000.000                     | CV số 2281/UBND-VX ngày 04/6/2014 của UBND tỉnh      |
|     | <b>Trả nợ các công trình đã hoàn thành, nhưng chưa bố trí được nguồn vốn</b>                |                                                  |                 |                                     |                                       | <b>33.560.000</b>             |                                                      |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ cổng đến nhà ga sân bay)               | 760/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh         | 18.529.717      | 5.300.000                           | 2.000.000                             | 6.500.000                     | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2012 |
| 2   | Kết cấu hạ tầng khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Nhơn Hòa                            | 4045/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh       | 54.593.519      | 35.250.547                          | 2.000.000                             | 6.000.000                     | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011 |
| 4   | Đê biển hạ lưu đập ngăn mặn Bạt Dừa                                                         | 870/QĐ-CTUBND 26/4/2010; 4010/QĐ-UBND 26/12/2013 | 11.786.158      | 10.934.158                          | 0                                     | 850.000                       | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011 |

| STT | Danh mục công trình                                                                                                                                                                     | Quyết định phê duyệt dự án; ngày/tháng/năm               | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2013 | Kế hoạch vốn đã bố trí trong năm 2014 | Kế hoạch vốn bổ sung năm 2014 | Ghi chú                                                      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 5   | Kè Bình Sơn                                                                                                                                                                             | 685/QĐ-UBND<br>30/3/2011                                 | 37.375.000      | 25.650.000                          | 0                                     | 3.000.000                     | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2012         |
| 6   | Trường mầm non Hòa Mỹ                                                                                                                                                                   | 232/QĐ-SKHHĐT,<br>30/8/2011                              | 6.833.295       | 3.479.775                           | 0                                     | 1.200.000                     | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2012         |
| 7   | Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung - Tây nguyên (giai đoạn 1)                                                                                                               | Phê duyệt theo từng giai đoạn                            | 8.300.000       | 2.350.000                           | 150.000                               | 5.500.000                     | Bổ trí phần đối ứng để thực hiện giai đoạn 2                 |
| 9   | Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Ân Tường Đông                                                                                                                                            | 121/QĐ-UBND<br>26/5/2011                                 | 5.643.000       | 4.773.000                           | 0                                     | 650.000                       | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011         |
| 10  | Đập dâng Cầu Sắt                                                                                                                                                                        | 1980/QĐ-CTUBND<br>01/9/2011;<br>608/QĐ-UBND<br>30/3/2012 | 17.090.910      | 13.678.000                          | 1.000.000                             | 750.000                       | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2012         |
| 11  | Dự phòng Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất hộ ông Trương Phong ở thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn (thực hiện khi huyện cung cấp đủ hồ sơ pháp lý) | 3205/UBND-TH<br>ngày 14/8/2013<br>của UBND tỉnh          | 6.065.000       | 0                                   | 0                                     | 6.065.000                     | CV số 138/UBND-TH<br>ngày 11/3/2014 của UBND huyện Hoài Nhơn |
| 12  | Trụ sở Tỉnh đoàn                                                                                                                                                                        | 245/QĐ-SKHHĐT<br>27/9/2013                               | 9.998.000       |                                     | 1.700.000                             | 2.300.000                     |                                                              |
| 13  | Sửa chữa nhà làm việc Sở Nội vụ                                                                                                                                                         | 190/QĐ-SKHHĐT;<br>30/9/2010                              | 6.700.000       | 5.954.000                           | 0                                     | 745.000                       | Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2012         |

**Phụ lục 04**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của HĐND tỉnh Khốa XI)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT      | Danh mục                                                                                                                                                | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch năm 2014 | Tăng (+)/ giảm (-) | Kế hoạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Chủ đầu tư          | Ghi chú                                       |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Vốn ngân sách tỉnh</b>                                                                                                                               |                   |                   |                    |                                      |                     |                                               |
|          | <b>Công trình giảm vốn</b>                                                                                                                              |                   |                   | <b>-1.254.088</b>  |                                      |                     |                                               |
| 1        | Dự án nâng cao năng lực quản lý, tăng cường giám sát, đa dạng sinh học, thực thi pháp luật và chuẩn bị cơ chế chia sẻ lợi ích tại rừng đặc dụng An Toàn | An Lão            | 113.000           | -113.000           | 0                                    | Sở NN&PTNT          | Đã bố trí hoàn ứng từ nguồn vượt thu năm 2013 |
| 2        | Trụ sở làm việc Huyện ủy Vân Canh                                                                                                                       | Vân Canh          | 880.000           | -880.000           | 0                                    | UBND huyện Vân Canh | Hết khối lượng thanh toán                     |
| 3        | Đường từ Quốc lộ 1D (điểm du lịch số 5) đến Khu du lịch Quy Hòa                                                                                         | Quy Nhơn          | 500.000           | -261.088           | 238.912                              | Sở GTVT             | Hết khối lượng thanh toán                     |
|          | <b>Công trình tăng vốn</b>                                                                                                                              |                   |                   | <b>1.254.088</b>   |                                      |                     |                                               |
| 1        | Dự án phục hồi và quản lý rừng bền vững (KFW6)                                                                                                          | toàn tỉnh         | 150.000           | 113.000            | 263.000                              | Sở NN&PTNT          |                                               |
| 2        | Trụ sở làm việc UBND xã Canh Hiền                                                                                                                       | Vân Canh          | 0                 | 480.000            | 480.000                              | UBND huyện Vân Canh | Trả nợ KLHT                                   |
| 3        | Trường THCS thị trấn Vân Canh                                                                                                                           | Vân Canh          | 0                 | 400.000            | 400.000                              | UBND huyện Vân Canh | Trả nợ KLHT                                   |



| STT      | Danh mục                                                                           | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch năm 2014 | Tăng (+)/ giảm (-) | Kế hoạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Chủ đầu tư         | Ghi chú                                                                                                                                           |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4        | Xây dựng Cầu Bân tại Km25+80 tuyến ĐT.637 (Vườn Xoài - Vĩnh Sơn), huyện Vĩnh Thạnh | Vĩnh Thạnh        | 0                 | 261.088            | 261.088                              | Sở GTVT            | Hiện nay cầu đã hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng (hư hỏng hoàn toàn 2 mố cầu), có nguy cơ sập cầu, đề nghị cầu, đề nghị cho triển khai sửa chữa sớm |
| <b>B</b> | <b>Vốn xố số kiến thiết</b>                                                        |                   |                   |                    |                                      |                    |                                                                                                                                                   |
|          | <b>Công trình giảm vốn</b>                                                         |                   |                   | <b>-1.197.141</b>  |                                      |                    |                                                                                                                                                   |
| 1        | Trường THCS Bồng Sơn 2                                                             | Hoài Nhơn         | 500.000           | -289.381           | 210.619                              | UBND Hoài Nhơn     | Hết khối lượng thanh toán                                                                                                                         |
| 2        | Trường mầm non Phú Phong (1 tầng, 2 phòng)                                         | Tây Sơn           | 200.000           | -134.938           | 65.062                               | UBND huyện Tây Sơn | Đã thanh toán hết KL quyết toán công trình                                                                                                        |
| 3        | Cải tạo nâng cấp hệ thống điện ngoài nhà 0.4KV                                     | Quy Nhơn          | 558.000           | -172.822           | 385.178                              | BVĐK tỉnh          | Đã thanh toán hết KL quyết toán công trình                                                                                                        |
| 4        | Trường Tiểu học An Hưng                                                            | An Lão            | 600.000           | -600.000           | 0                                    | UBND huyện An Lão  |                                                                                                                                                   |
|          | <b>Công trình tăng vốn</b>                                                         |                   |                   | <b>1.197.141</b>   |                                      |                    |                                                                                                                                                   |

| STT | Danh mục                                                                                              | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch năm 2014 | Tăng (+)/ giảm (-) | Kế hoạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Chủ đầu tư            | Ghi chú                                         |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|
| 1   | Trường TH số 2 Tam Quan Nam                                                                           | Hoài Nhơn         | 0                 | 289.381            | 289.381                              | UBND huyện Hoài Nhơn  | Thanh toán KLHT                                 |
| 2   | Trường mầm non Tây Vinh (1 tầng, 4 phòng)                                                             | Tây Sơn           | 500.000           | 134.938            | 634.938                              | UBND Tây Sơn          | Thanh toán KLHT                                 |
| 3   | Mua 03 máy giúp đỡ và 03 monitor theo dõi bệnh nhân                                                   | Quy Nhơn          | 1.820.000         | 97.000             | 1.917.000                            | BVĐK tỉnh             | Thanh toán KLHT                                 |
| 4   | Mua 05 máy thận nhân tạo và 01 hệ thống lọc nước RO                                                   | Quy Nhơn          | 1.800.000         | 75.822             | 1.875.822                            | BVĐK tỉnh             | Thanh toán KLHT                                 |
| 5   | Trường Tiểu học Canh Hòa                                                                              | Vân Canh          | 800.000           | 350.000            | 1.150.000                            | UBND huyện Vân Canh   | Thanh toán KLHT                                 |
| 6   | Đường vào di tích Tháp Cánh Tiên                                                                      | An Nhơn           | 2.300.000         | 250.000            | 2.550.000                            | Sở VHNT&DL            | Thanh toán KLHT                                 |
| C   | <b>Vốn cấp quyền sử dụng đất</b>                                                                      |                   |                   |                    |                                      |                       |                                                 |
|     | <b>Công trình giám vốn</b>                                                                            |                   |                   | <b>-2.200.857</b>  |                                      |                       |                                                 |
| 1   | Nghĩa trang liệt sỹ Quy Nhơn                                                                          | Quy Nhơn          | 1.500.000         | -500.000           | 1.000.000                            | Sở LĐTBXH             | Chưa hoàn thành thủ tục đầu tư                  |
| 2   | Đổi ứng khí sinh học                                                                                  | toàn tỉnh         | 300.000           | -300.000           | 0                                    | Sở NN&PTNT            |                                                 |
| 3   | Gia cố đề sông Hà Thanh (đoạn từ cầu Điều Trì đến thượng lưu đập Cây Dừa)                             | Tuy Phước         | 800.000           | -800.000           | 0                                    | UBND huyện Tuy Phước  | Dự án đã được đưa vào sử dụng vốn của dự án WB5 |
| 4   | Khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế gặp gỡ KH đa ngành và các dự án lân cận tại phường Ghềnh Ráng | Quy Nhơn          | 1.140.000         | -242.900           | 897.100                              | BQL GPMB và PTQĐ tỉnh |                                                 |

| STT | Danh mục                                                                                                                      | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch năm 2014 | Tăng (+)/ giảm (-) | Kế hoạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Chủ đầu tư               | Ghi chú                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------|
| 5   | Sửa chữa cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội                                                                                        | Quy Nhơn          | 1.000.000         | -254.610           | 745.390                              | Sở GTVT                  |                                            |
| 6   | Nhà hạt quản lý cầu Thị Nại                                                                                                   | Quy Nhơn          | 1.500.000         | -103.347           | 1.396.653                            | Sở GTVT                  |                                            |
|     | <b>Công trình tăng vốn</b>                                                                                                    |                   |                   | <b>2.200.857</b>   |                                      |                          |                                            |
| 1   | Tường rào, công nghệ Nghĩa trang liệt sĩ xã Hoài Châu Bắc (Đã hoàn thành bàn giao)                                            | Hoài Nhơn         | 400.000           | 500.000            | 900.000                              | UBND huyện Hoài Nhơn     |                                            |
| 2   | Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp cacbon thấp (LCASP)                                                                                  | toàn tỉnh         | 0                 | 160.000            | 160.000                              | Sở NN&PTNT               | Bổ sung vốn đối ứng kinh phí hoạt động     |
| 3   | Dự án Cạnh tranh nông nghiệp (ACP)                                                                                            | toàn tỉnh         | 0                 | 100.000            | 100.000                              | Sở NN&PTNT               | Bổ sung vốn hoạt động bộ máy hậu dự án     |
| 4   | Dự án Nâng cao năng lực ngành thủy sản (FSPSII)                                                                               | toàn tỉnh         | 0                 | 40.000             | 40.000                               | Sở NN&PTNT               | Bổ sung kinh phí đối ứng chính lý tài liệu |
| 5   | Kè chống xói lở hạ lưu cầu Vạn                                                                                                | Tuy Phước         | 900.000           | 800.000            | 1.700.000                            | UBND huyện Tuy Phước     | Thanh toán KLHT                            |
| 6   | Trung tâm Quốc tế gặp gỡ khoa học đa ngành tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn                                          | Quy Nhơn          | 0                 | 18.576             | 18.576                               | BQL GPMB và PTQĐ tỉnh    |                                            |
| 7   | Cường chế thu hồi đất để GPMB khu đất thu hút đầu tư dự án: dịch vụ - thương mại tại KV8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn | Quy Nhơn          | 0                 | 16.324             | 16.324                               | BQL GPMB và PTQĐ tỉnh    |                                            |
| 8   | Cấp nước Trung tâm hội nghị Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành                                                           | Quy Nhơn          | 0                 | 208.000            | 208.000                              | Trung tâm nước sạch tỉnh |                                            |

| STT      | Danh mục                                                                                                                        | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch năm 2014 | Tăng (+)/ giảm (-) | Kế hoạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Chủ đầu tư           | Ghi chú                                                                                                                                |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9        | Hỗ trợ kinh phí GPMB Dự án xử lý rác thải tại huyện Hoài Nhơn của Công ty TNHH chế biến rác thải Duy Anh                        | Hoài Nhơn         | 0                 | 217.797            | 217.797                              | UBND huyện Hoài Nhơn |                                                                                                                                        |
| 10       | Xây dựng Cầu Bùn tại Km25+80 tuyến ĐT.637 (Vườn Xoài - Vĩnh Sơn), huyện Vĩnh Thạnh                                              | Vĩnh Thạnh        | 0                 | 140.160            | 140.160                              | Sở GTVT              | Hiện nay cầu đã hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng (hư hỏng hoàn toàn 2 móng cầu), có nguy cơ sập cầu, đề nghị cho triển khai sửa chữa sớm |
| <b>D</b> | <b>Vốn ngân sách khác</b>                                                                                                       |                   |                   |                    |                                      |                      |                                                                                                                                        |
|          | <b>Công trình giảm vốn</b>                                                                                                      |                   |                   | <b>-8.000.000</b>  |                                      |                      |                                                                                                                                        |
| 1        | Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc tại di tích Huyện đường Bình Khê (Tây Sơn)                                                    | Tây Sơn           | 20.000.000        | -8.000.000         | 12.000.000                           | Sở VH, TT &DL        |                                                                                                                                        |
|          | <b>Công trình tăng vốn</b>                                                                                                      |                   |                   | <b>8.000.000</b>   |                                      |                      |                                                                                                                                        |
| 1        | Chi trả bồi thường, GPMB và tái định cư công trình Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc tại di tích Huyện đường Bình Khê (Tây Sơn) | Tây Sơn           | 0                 | 8.000.000          | 8.000.000                            | Huyện Tây Sơn        |                                                                                                                                        |